

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2024

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Ông Võ Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thúy D, sinh năm 1983 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy D trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy D và ông Nguyễn Văn X (sau đây gọi tắt là bà D, ông X) được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004 nhưng không có đăng kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên bà D và ông X đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà D và ông X có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật Linh, sinh năm 2004 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 28/8/2006. Cháu Linh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Thư chưa đủ 18 tuổi, khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thư không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/3/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày: Ông X thừa nhận lời trình bày của bà D về quan hệ hôn, về con chung, và vợ chồng không có tài sản chung là đúng. Ông X thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: Ông X đồng ý để bà D được nuôi cháu Thư, ông X không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Ông X và bà D không có tài sản và nợ chung.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ly hôn ngày 17/12/2023; Bản sao Giấy khai sinh tên Nguyễn Nhật Linh và Nguyễn Minh Thư; Bản tự khai trình bày nguyện của cháu Nguyễn Minh Thư; Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông X; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của ông Nguyễn Văn X.

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai của ông Nguyễn Văn X ngày 29/3/2024; Đơn xin vắng mặt ngày 29/3/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông Nguyễn Văn X có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/3/2024 vì lý do công việc nên không thể đến tham dự phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn X cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về hôn nhân:** Bà D và ông X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên về mặt pháp lý quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông X không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông X theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. **Về con chung:** Bà D và ông X có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật Linh, sinh năm 2004 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 28/8/2006. Cháu Linh đã trưởng thành, đối với cháu Thư hiện đang sống với bà D. Tại bản tự khai ngày

27/02/2024 cháu Thư có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Tại biên bản hòa giải ngày 26/3/2024 ông X cũng thống nhất để bà D tiếp tục nuôi cháu Thư. Do đó, HĐXX thống nhất giao cháu Thư cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và HĐXX có giải thích cho bà D biết quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ (người không trực tiếp nuôi con) sau khi ly hôn nhưng bà D không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét buộc ông X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Bà D và ông X xác định trong thời gian chung sống không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003138 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thúy D và ông Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 28/8/2006 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Nguyễn Nhật Linh đã trưởng thành bà D và ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Ông X có quyền và nghĩa vụ trông nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông X xác định trong thời gian chung sống không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003138 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh